

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt bổ sung có mục tiêu kinh phí  
cho các huyện, thị xã, thành phố để hỗ trợ các Tổ giám sát  
phòng, chống dịch Covid-19 thôn, bản, khu phố trên địa bàn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 110-TB/VPTU ngày 08/12/2021 của Văn phòng Tỉnh ủy về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Kế hoạch số 289/KH-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Công điện số 06/CD-UBND ngày 18/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác phòng chống dịch Covid-19;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 93/STC-HCSN ngày 07/01/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung có mục tiêu kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố để hỗ trợ các Tổ giám sát phòng, chống dịch Covid-19 thôn, bản, khu phố trên địa bàn, cụ thể như sau:

1. Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, vận động nhân dân;
- Hỗ trợ thêm tiền điện thoại, xăng xe cho thành viên tổ giám sát;
- Bồi dưỡng thêm cho thành viên tổ giám sát làm đêm, làm ngoài giờ.

2. Tổng kinh phí bổ sung: 13.071.000.000 đồng (*Mười ba tỷ, không trăm bảy mươi một triệu đồng*).

*(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp y tế trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2022 (kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng và phòng chống dịch Covid-19).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trình báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh; căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, thực hiện các thủ tục, nghiệp vụ thông báo bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm sử dụng kinh phí được bổ sung đúng mục đích, nội dung, đối tượng và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình có liên quan.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT (KTH.22.01141).

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Minh Tuấn**

**PHỤ LỤC**

**Kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố  
để hỗ trợ các Tổ giám sát phòng, chống dịch Covid-19 thôn, bản, khu phố**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Huyện, thị xã, thành phố | Số tổ        | Mức hỗ trợ | Kinh phí              |
|-----|--------------------------|--------------|------------|-----------------------|
|     | <b>Tổng cộng</b>         | <b>4.357</b> |            | <b>13.071.000.000</b> |
| 1   | Thành phố Thanh Hóa      | 311          | 3.000.000  | 933.000.000           |
| 2   | Thị xã Bỉm Sơn           | 58           | 3.000.000  | 174.000.000           |
| 3   | Thành phố Sầm Sơn        | 86           | 3.000.000  | 258.000.000           |
| 4   | Huyện Hà Trung           | 143          | 3.000.000  | 429.000.000           |
| 5   | Huyện Nga Sơn            | 168          | 3.000.000  | 504.000.000           |
| 6   | Huyện Hậu Lộc            | 153          | 3.000.000  | 459.000.000           |
| 7   | Huyện Hoằng Hóa          | 243          | 3.000.000  | 729.000.000           |
| 8   | Huyện Quảng Xương        | 188          | 3.000.000  | 564.000.000           |
| 9   | Thị xã Nghi Sơn          | 238          | 3.000.000  | 714.000.000           |
| 10  | Huyện Nông Cống          | 201          | 3.000.000  | 603.000.000           |
| 11  | Huyện Đông Sơn           | 94           | 3.000.000  | 282.000.000           |
| 12  | Huyện Thiệu Hóa          | 167          | 3.000.000  | 501.000.000           |
| 13  | Huyện Yên Định           | 149          | 3.000.000  | 447.000.000           |
| 14  | Huyện Vĩnh Lộc           | 111          | 3.000.000  | 333.000.000           |
| 15  | Huyện Triệu Sơn          | 254          | 3.000.000  | 762.000.000           |
| 16  | Huyện Thọ Xuân           | 274          | 3.000.000  | 822.000.000           |
| 17  | Huyện Mường Lát          | 88           | 3.000.000  | 264.000.000           |
| 18  | Huyện Quan Sơn           | 94           | 3.000.000  | 282.000.000           |
| 19  | Huyện Quan Hóa           | 107          | 3.000.000  | 321.000.000           |
| 20  | Huyện Bá Thước           | 205          | 3.000.000  | 615.000.000           |
| 21  | Huyện Lang Chánh         | 78           | 3.000.000  | 234.000.000           |
| 22  | Huyện Ngọc Lặc           | 213          | 3.000.000  | 639.000.000           |
| 23  | Huyện Thạch Thành        | 199          | 3.000.000  | 597.000.000           |
| 24  | Huyện Cẩm Thủy           | 119          | 3.000.000  | 357.000.000           |
| 25  | Huyện Như Thanh          | 165          | 3.000.000  | 495.000.000           |
| 26  | Huyện Như Xuân           | 127          | 3.000.000  | 381.000.000           |
| 27  | Huyện Thường Xuân        | 124          | 3.000.000  | 372.000.000           |